TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số:35/2018/ DSST
Ngày 18/9/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đình Đoài

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Ngọc Chúc

2/ - Ông Ngô Rô Be

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật – Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 18 tháng 09 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/ TLST- DS ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/ QĐXXST- DS ngày 11 tháng 09 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: ấp K 9, thị trấn T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: **Anh Lại Đức T**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: số 194, ấp T H B, xã T H, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày: Nguyên vào ngày 25/01/2017 anh Lại Đức T có đến nhà của tôi vay số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận là 5%/01 tháng, đóng lãi vào ngày 25 hàng tháng, mục đích của anh T

vay tiền của tôi là để đáo hạn trả nợ ngân hàng, anh T hứa với tôi khoảng 20 ngày sau sẽ vay tiền lại ngân hàng để trả tiền lại cho tôi, trong quá trình đóng lãi thì anh T có đóng lãi cho tôi nhiều lần tổng cộng số tiền lãi là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng). Đến hạn trả nợ thì anh T hẹn tôi trả nợ nhiều lần mà không trả nợ mặc dù tôi có đến nhà anh T đòi nợ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc anh Lại Đức T phải trả nợ cho tôi số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn anh Lại Đức T trình bày: theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 24/8/2018 của tôi cũng như lời khai tại phiên tòa hôm nay thì tôi thừa nhận chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 25/01/2017 là của tôi, tôi thừa nhận có vay hai lần tiền của chị Phạm Thị Cẩm H tổng số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), mục đích vay là lấy vốn để làm ăn, lãi suất thỏa thuận là 5%/01 ngày, 05 ngày đóng lãi một lần, chứ không phải lãi suất 5%/01 tháng như chị H đã trình bày, tôi đã đóng lãi nhiều lần cho chị H tổng cộng số tiền là 88.000.000đ (tám mươi tám triệu đồng) nhưng giữa tôi và chị H không có làm biên nhận đóng lãi. Tuy nhiên hiện nay tôi làm ăn thua lỗ, vì vậy kinh tế gia đình hiện nay đang gặp khó khăn nên không thể trả nợ đủ một lần số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) cho chị H được.

Nay tại phiên tòa tôi thừa nhận có nợ chị H số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng tôi có đóng lãi nhiều lần cho chị H tổng số tiền là 88.000.000đ (tám mươi tám triệu đồng). Nay tôi xin trả nợ dần trong 02 năm cho chị H số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

Vào ngày 15/12/2018 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H.

Vào ngày 15/06/2019 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H.

Vào ngày 15/12/2019 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H.

Vào ngày 15/06/2020 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi cho chị H là hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền**: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H với anh Lại Đức T là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H yêu cầu anh Lại Đức T trả nợ cho chị số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì chị H có cho anh T vay số tiền gốc là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), lúc vay giữa hai bên có làm biên nhận ngày 25/01/2018, đến nay anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H.

Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T trả cho chị số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật. Lời yêu cầu của chị H phù hợp với Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay chị H cho rằng giữa chị và anh T thỏa thuận lãi suất là 5%/01 tháng, đóng lãi vào ngày

25 hàng tháng. Tuy nhiên anh T thì không đồng ý lời trình bày về thỏa thuận lãi suất 5%/01 tháng của chị H, anh T thì cho rằng giữa anh và chị H thỏa thuận lãi suất là 5%/01 ngày, 05 ngày đóng lãi một lần. Vì vậy trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định là do các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản Điều này tại thời điểm trả nợ.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 25/01/2017 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 18/9/2018 là 597 ngày cụ thể như sau: 270.000.000đ x 0,83% x 597 ngày = 44.595.900đ tính tròn là 44.596.000đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 314. 596.000đ (ba trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng) trừ đi số tiền lãi 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) mà anh T đã đóng lãi cho chị H. Vì vậy số tiền gốc và lãi mà anh T phải trả nợ chị H là 277.596.000đ (hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

[3] Xét yêu cầu của bị đơn anh Lại Đức T thừa nhận có nợ chị H số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) nhưng anh có đóng lãi nhiều lần cho chị H tổng số tiền là 88.000.000đ (tám mươi tám triệu đồng). Nay anh xin trả nợ dần trong 02 năm cho chị H số tiền là 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Thời hạn trả nợ cụ thể như sau:

Vào ngày 15/12/2018 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H.

Vào ngày 15/06/2019 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H.

Vào ngày 15/12/2019 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) cho chị H.

Vào ngày 15/06/2020 tôi trả 67.500.000đ (sáu mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) và tiền lãi cho chị H là hết nợ. Lời yêu cầu của anh T là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì lời yêu cầu của anh T xin trả nợ dần cho chị H trong 02 năm thì chị H không đồng ý yêu

cầu của anh T. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét, còn về tiền lãi anh T cho rằng đã đóng lãi nhiều lần cho chị H số tiền là 88.000.000đ (tám mươi tám triệu đồng) nhưng anh T không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh rằng đã đóng lãi 88.000.000đ (tám mươi tám triệu đồng) cho chị H. Tuy nhiên chị H thừa nhận có nhận tiền lãi của anh T đóng lãi số tiền là 37.000.000đ (ba mươi bảy triệu đồng) được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chính vì vậy bác lời khai nại của anh Lại Đức T.

Về án phí DSST: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H số tiền là 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005038 ngày 18/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc anh Lại Đức T phải nộp: 277.596.000đ x 5% = 13.879.800đ tính tròn là 13.880.000đ (mười ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463, Khoản 2 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn anh Lại Đức T.

4/ Buộc anh Lại Đức T trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền gốc và lãi là 277.596.000đ (hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Phạm Thị Cẩm H có đơn yêu cầu Thi hành án nếu anh Lại Đức T không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc anh Lại Đức T nộp 13.879.800đ tính tròn là 13.880.000đ (mười ba triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 6.750.000đ (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005038 ngày 18/05/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự ,người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy đinh tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Phạm Thị Cẩm H và anh Lại Đức T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Tân Hiệp.*
- *TAND tỉnh Kiên Giang .*
- *Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu HS.*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nông Đình Đoài